TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỐT NỐT** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 12.4.2021
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Thanh Điền
- *Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Huỳnh Văn Gốc
2. Bà Võ Thị Ánh
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Nhàn - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Kim Xa - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2021/TB-TLVA ngày 10 tháng 3 năm 2021 về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị ***Lê Thị Kim T*** sinh năm 1996
Đăng ký thường trú: khu vực X, phường Y, quận Z, thành phố Cần Thơ.
Nơi cư ngụ: khu vực O, phường I, quận Z, thành phố Cần Thơ.
2. *Bị đơn*: Anh ***Nguyễn Văn C*** sinh năm 1992
Trú tại: khu vực X, phường Y, quận Z, thành phố Cần Thơ.
3. *Người có quyền, lợi ích được bảo vệ - con chung*:
3.1. Cháu ***Nguyễn Thành T***[1] sinh ngày 10.12.2011
3.2. Cháu ***Nguyễn Thị Kim N*** sinh ngày 20.12.2013
(đang sống với anh C tại khu vực Z, phường Y, quận Z; do anh C là người giám hộ).
3.3. Cháu ***Nguyễn Thị Kim C***[1] sinh ngày 21.6.2017
(đang sống với chị T tại khu vực O, phường I; do chị T là người giám hộ).

(nguyên/bị đơn có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 26.01.2021 và quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn chị Lê Thị Kim T trình bày*:

Do mai mối nên chị với anh Nguyễn Văn C được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2010, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân dân phường Y, quận Z ngày 23.4.2014. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung gia đình chồng tại khu vực X, phường Y, quận Z từ đó đến khi vợ chồng ly thân.

Do vợ chồng thường hay cải vả, không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh C không chí thú làm ăn nên hay xảy ra mâu thuẫn. Nên từ tháng 5.2020 chị T về nhà cha mẹ ruột tại phường I sống ly thân với anh C từ đó đến nay.

Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Thành T[1] sinh ngày 10.12.2011, Nguyễn Thị Kim N sinh ngày 20.12.2013 và Nguyễn Thị Kim C[1] sinh ngày 21.6.2017. Hiện cháu N và cháu T[1] đang sống chung với anh C và ông bà nội, còn cháu C[1] do chị T chăm sóc bên gia đình ông bà ngoại; Về tài sản chung: chị T yêu cầu tự thỏa thuận sử dụng với anh C, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Về nợ chung: Chị T trình bày không có.

Thời gian ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị T yêu cầu ly hôn đối với anh Nguyễn Văn C; Yêu cầu được quyền nuôi con chung Nguyễn Thị Kim C[1] đến trưởng thành, yêu cầu anh C có nghĩa vụ nuôi 02 con chung là Nguyễn Thành T[1] và Nguyễn Thị Kim N đến trưởng thành. Đối trừ nghĩa vụ cấp dưỡng, chị T đồng ý cấp dưỡng 01 con chung theo quy định pháp luật.

** Tại tờ tự khai ngày 26.4.2021 và quá trình giải quyết vụ kiện, bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày*:

Anh thống nhất nội dung trình bày của nguyên đơn chị Lê Thị Kim T. Cụ thể: Vào năm 2010, anh và chị T được gia đình hai bên mai mối và tiến hành tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, đến tháng 5.2020 thì chị T tự ý về nhà cha mẹ ruột để sống ly thân với anh từ đó đến nay.

Theo anh C thì mâu thuẫn vợ chồng không lớn, vợ chồng có thể đoàn tụ nhưng do chị T cương quyết ly hôn thì anh thống nhất ly hôn; Về con chung: anh yêu cầu được quyền nuôi 03 con chung đến trưởng thành, yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con theo quy định; Thống nhất thỏa thuận sử dụng tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Ngoài ra vợ chồng không nợ ai.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 07.4.2021, người có quyền, lợi ích được bảo vệ cháu Nguyễn Thành T[1] và cháu Nguyễn Thị Kim N trình bày*:

Các cháu là con của cha là Nguyễn Văn C và mẹ là Lê Thị Kim T. Hiện nay các cháu đang sống chung với cha và ông bà nội tại khu vực X, phường Y. Nay cha mẹ ly hôn thì các cháu yêu cầu được tiếp tục sống với cha để thuận lợi việc đi học, không yêu cầu mẹ cấp dưỡng.

Tòa án đã mở phiên hòa giải nhưng giữa các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu ban đầu nhưng do anh C không đồng ý nuôi con nên chị T có thay đổi về việc nuôi con. Cụ thể: chị T yêu cầu được quyền nuôi 02 con chung là cháu N và cháu C[1], yêu cầu anh C có nghĩa vụ nuôi cháu T[1] đến trưởng thành, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con; Anh C yêu cầu chị T có nghĩa vụ nuôi 03 con chung đến trưởng thành, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng là đúng trình tự thủ tục luật định.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị Kim T đối với bị đơn anh Nguyễn Văn C; Ổn định cho chị T được quyền nuôi 02 con chung là Nguyễn Thị Kim C[1] và Nguyễn Thị Kim N đến trưởng thành. Anh C có nghĩa vụ nuôi cháu Nguyễn Thành T[1] đến trưởng thành. Do đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét; Ghi nhận các đương sự tự thỏa thuận sử dụng tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Ghi nhận trình bày của các đương sự về việc không có nợ chung nên không đề cập giải quyết, sau này phát sinh tranh chấp thì giải quyết thành vụ kiện khác.

- Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Chị Lê Thị Kim T với anh Nguyễn Văn C được gia đình hai bên tác hợp và tự nguyện tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Y, quận Z, thành phố Cần Thơ nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên chị T có đơn khởi kiện. Xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Xét về quan hệ hôn nhân*: Chị T và anh C chung sống, có đăng ký kết hôn năm 2014, sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Lê Thị Kim T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn C. Theo đó, anh C cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Sau khi tiến hành hòa giải đoàn tụ không thành, hơn nữa xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ điều 55 Luật hôn nhân và gia đình để công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

[3] *Về con chung*: Các đương sự thống nhất vợ chồng có 03 con chung gồm Nguyễn Thị Kim C[1] sinh ngày 21.6.2017 đang sống với chị T và bên ngoại tại phường I và cháu Nguyễn Thành T[1] sinh ngày 10.12.2011, cháu Nguyễn Thị Kim N sinh ngày 20.12.2013 sống với anh C và bên nội tại khu vực X, phường Y. Ngoài ra vợ chồng không có con nuôi hay con riêng nào khác. Theo đó, tại phiên tòa chị T đồng ý nuôi cháu N và cháu C[1], còn anh C cho rằng anh đang làm thuê, không có điều kiện chăm sóc con nên anh yêu cầu chị T có trách nhiệm nuôi 03 con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi các bên ly thân thì cháu C[1] được chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, còn cháu T[1] và cháu N do anh C và gia đình bên nội chăm sóc nuôi dưỡng. Việc chị T đồng ý nuôi dưỡng cháu N và cháu C[1] - anh C thống nhất/không phản đối nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các bên. Đối với vấn đề nuôi dưỡng cháu T[1] thì Hội đồng xét xử xét thấy: Do hoàn cảnh của chị T và anh C đều khó khăn như nhau, cụ thể: cả hai đang làm thuê, anh chị đều sống chung nhà cha mẹ ruột, gia đình bên nội/ngoại đã lớn tuổi nhưng phải làm thuê và hay bệnh nằm viện, không có người hỗ trợ chăm sóc các con… Nên với 03 con chung thì anh C cương quyết không đồng ý nuôi con sau ly hôn.

Căn cứ quy định tại khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014 "*...Trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con...*". Thực tế, suốt thời gian qua và hiện nay cháu T[1] vẫn sống cùng cha và gia đình bên nội, cháu đang học lớp 4 trường tiểu học Y 1 thuộc khu vực X, phường Y (quận Z). Do đó để không phải thay đổi môi trường sống và ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của con chung nên cần buộc anh C có nghĩa vụ tiếp tục nuôi dưỡng cháu T đến trưởng thành là phù hợp hoàn cảnh thực tế và nguyện vọng của con (cháu T[1]).

Từ viện dẫn trên có cơ sở quyết định: Ổn định cho chị Lê Thị Kim T được quyền nuôi cháu Nguyễn Thị Kim N[1] và cháu Nguyễn Thị Kim C[1]; Buộc anh Nguyễn Văn C có nghĩa vụ nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thành T[1] đến trưởng thành là phù hợp theo quy định tại điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về vấn đề cấp dưỡng: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: Chị T, anh C thống nhất tự thỏa thuận sử dụng tài sản chung, không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của các đương sự về việc không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Nguyên đơn chị Lê Thị Kim T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điều 147, điều 220 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 8, khoản 1 điều 9, điều 51, điều 53, điều 55, điều 81 và điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Kim T đối với bị đơn anh Nguyễn Văn C.

1. *Về hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Kim T và anh Nguyễn Văn C.

2. *Về con chung*:

./ Chị Lê Thị Kim T được quyền nuôi con chung tên Nguyễn Thị Kim N sinh ngày 20.12.2013 và Nguyễn Thị Kim C[1] sinh ngày 21.6.2017 đến trưởng thành.

./ Anh Nguyễn Văn C có nghĩa vụ nuôi con chung tên Nguyễn Thành T[1], sinh ngày 10.12.2011 đến trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Do chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh C, chị T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở anh C, chị T thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung*: Các đương sự thống nhất tự thỏa thuận sử dụng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của các đương sự về việc trình bày không có nợ chung. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp nợ chung thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

5. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Lê Thị Kim T phải nộp 300.000 đồng. Tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo phiếu thu số: AA/2020/002663 ngày 26.02.2021 được chuyển thành án phí. Chị T đã nộp xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND quận Z;
- THA quận Z;
- UBND phường Y (nơi đkkh);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Điền